

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Kỹ thuật và Ô tô Trường Long

Ngày 30/09/2025	26,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.4%	-5.4%	-7.6%

DT thuần Q3/25
185
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 27.0 16.8%
YoY: ▲ 50.0 36.7%

LN thuần Q3/25
2.96
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.29 -8.9%
YoY: ▼3.11 -51.2%

LN sau thuế Q3/25
4.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24 5.1%
YoY: ▼1.42 -22.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
3.8%
YoY: +/-▼ 0.4%

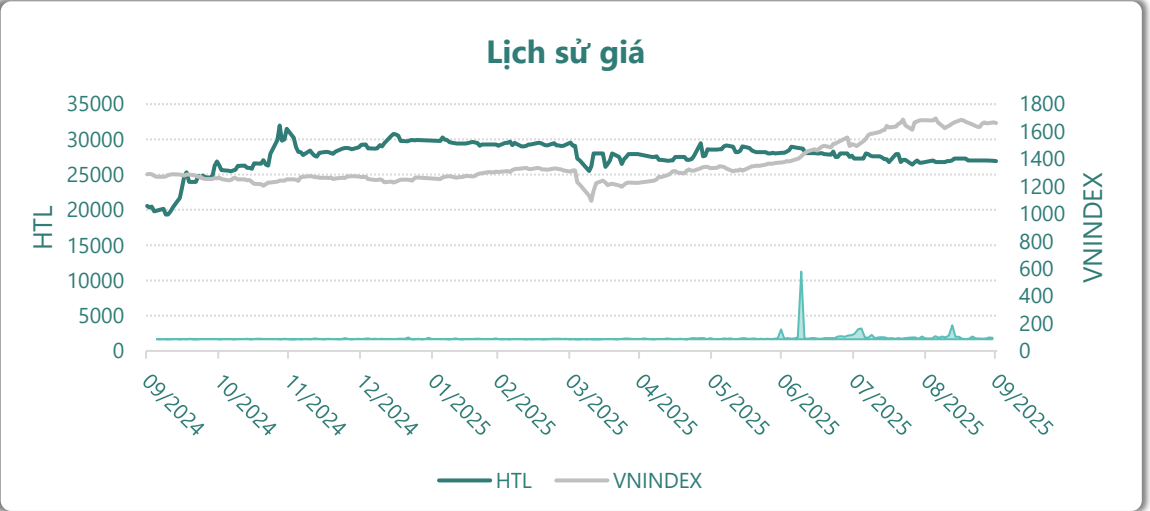
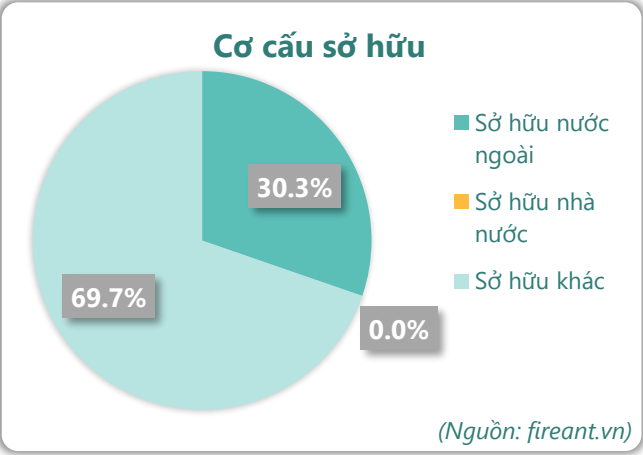
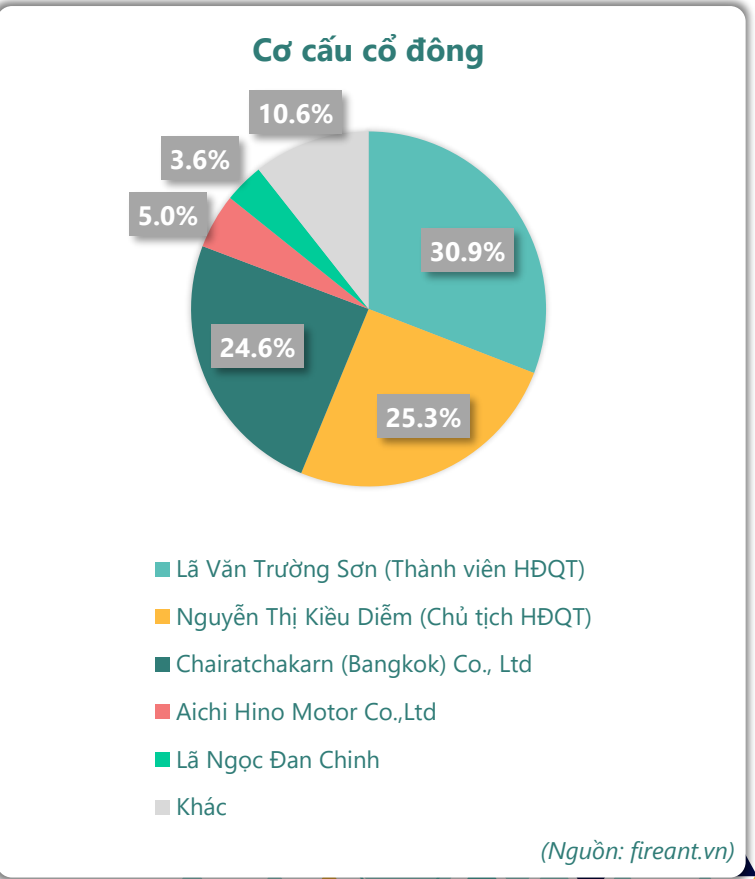
ROE (TTM) Q3/25
10.0%
YoY: +/-▼ 1.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	19,343 - 31,970
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	323
Số lượng CPLH (CP)	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,005
Sở hữu nước ngoài	30.3%
Beta	0.52
EPS	1,711
P/E	15.7

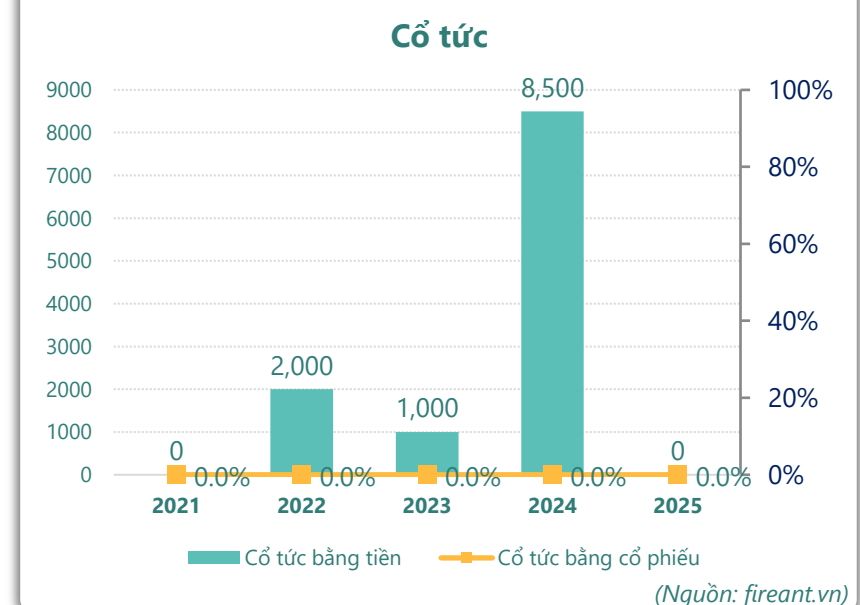
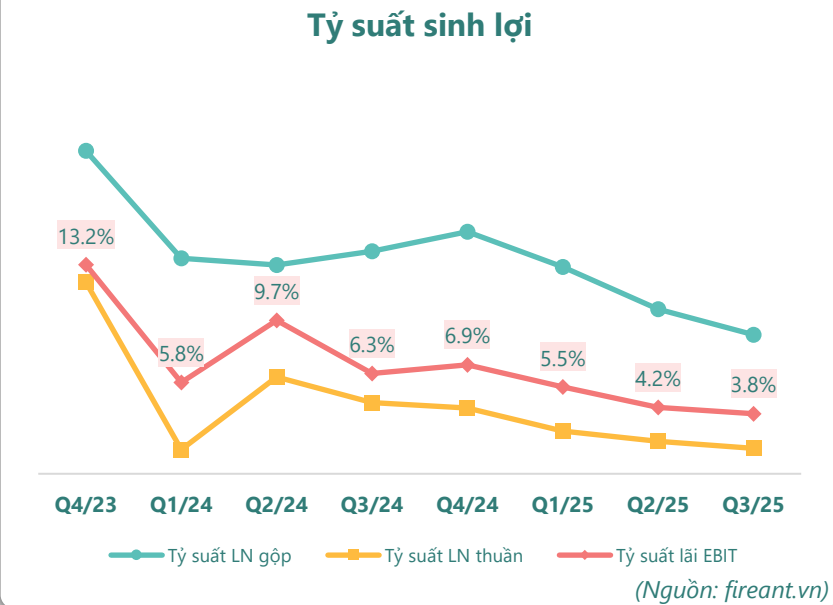
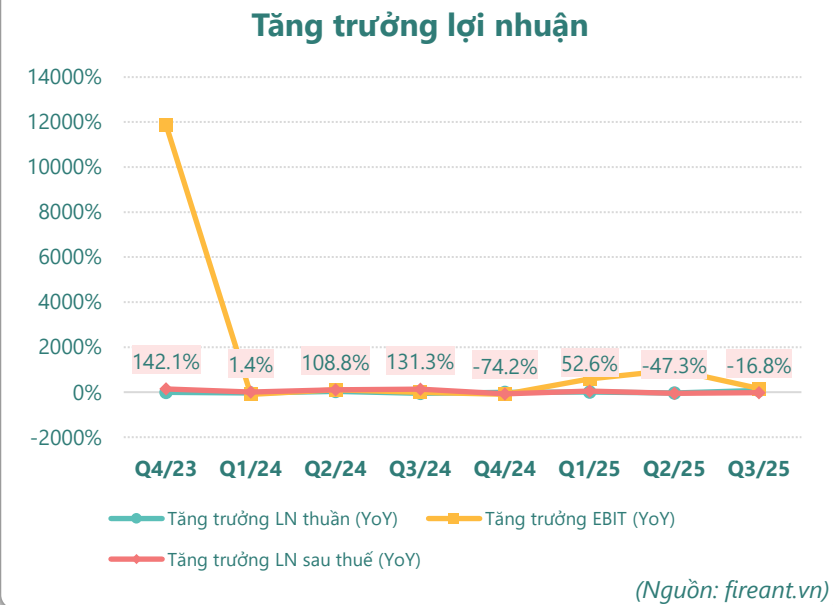
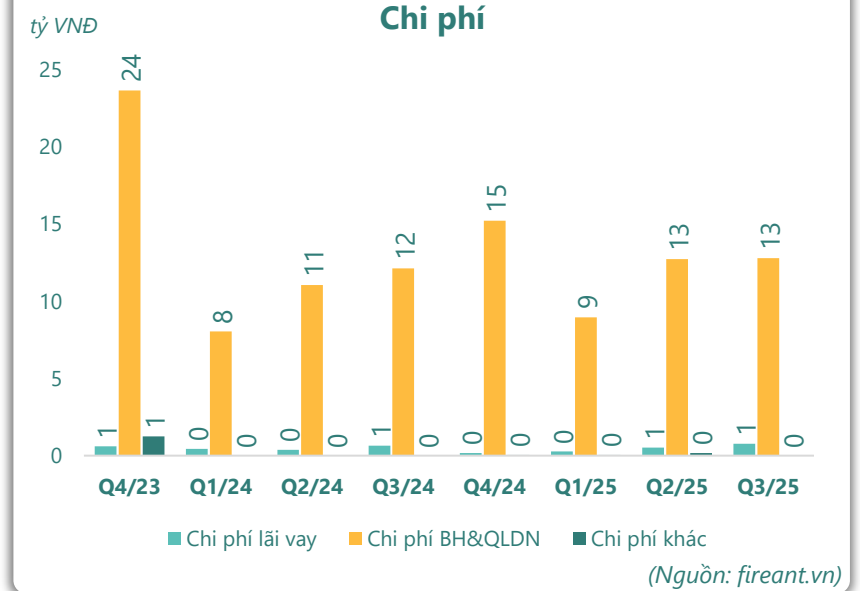
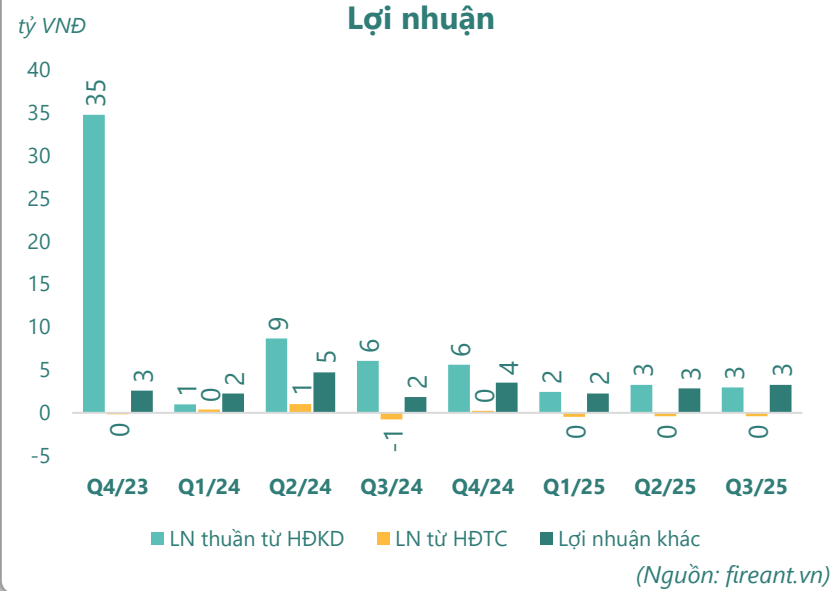
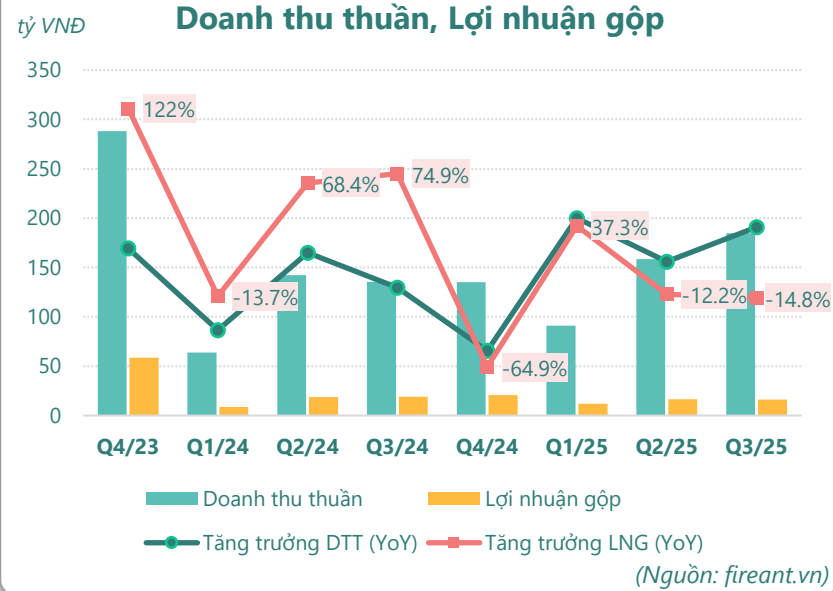
DT thuần 9T 2025
434
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 93.0 27.1%

LN thuần 9T 2025
8.66
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.04 -44.9%

LN sau thuế 9T 2025
13.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.20 -31.9%



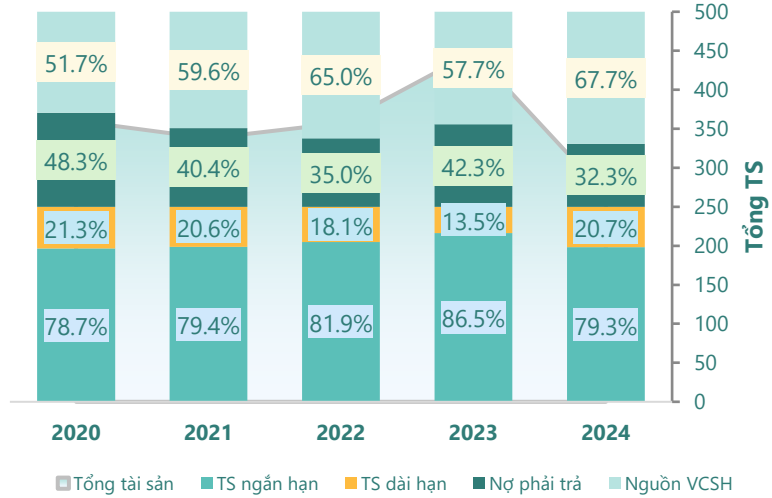
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

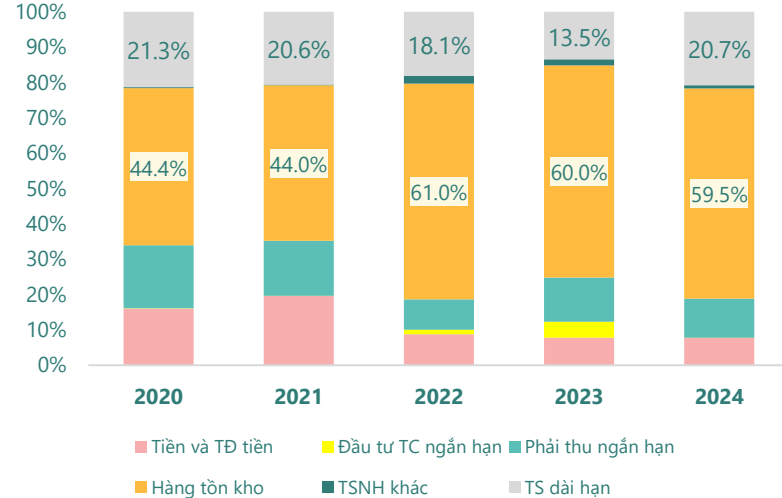
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

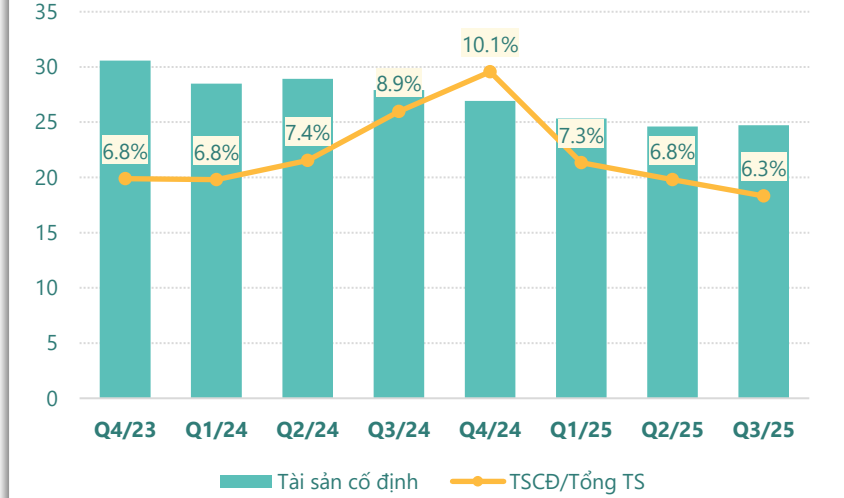
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

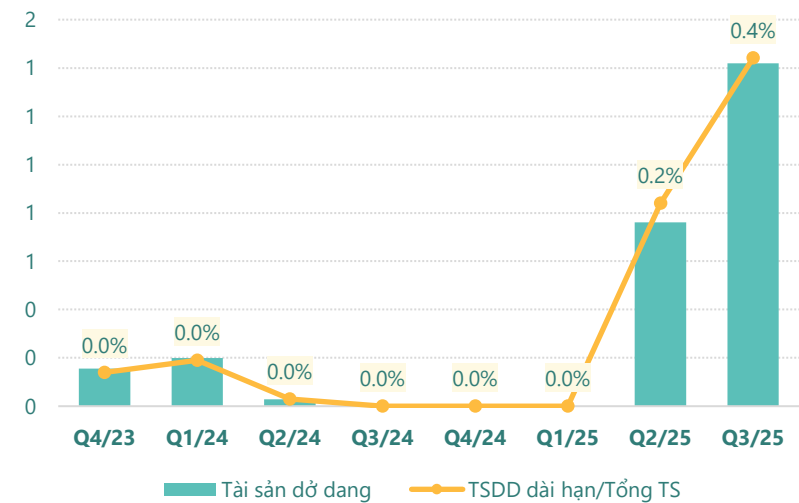
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

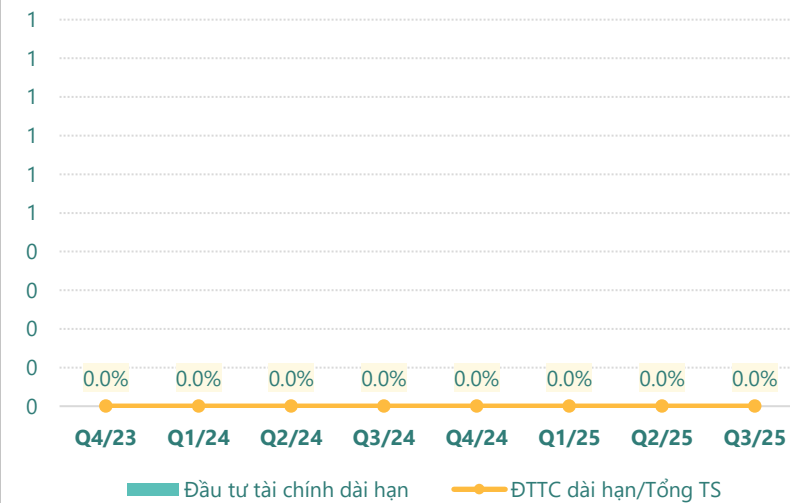
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

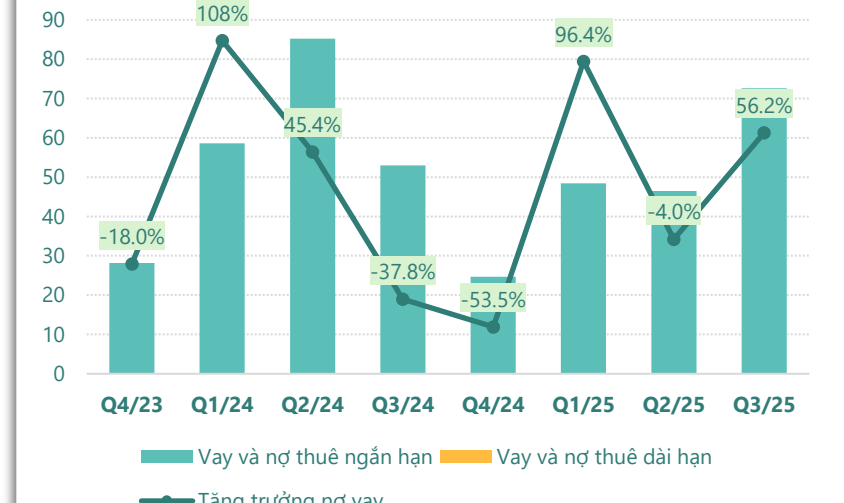
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

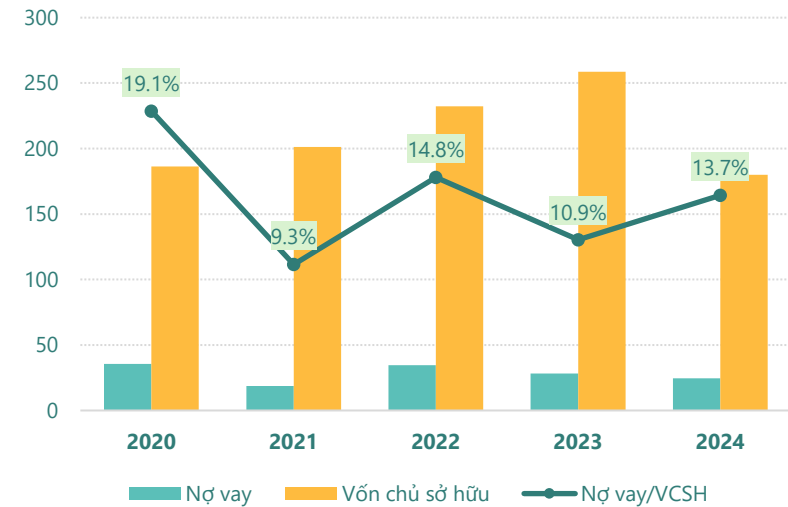


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

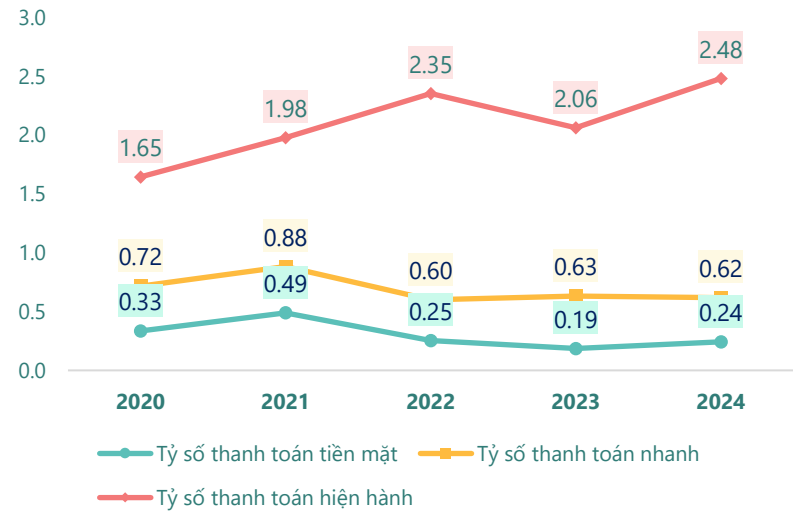
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



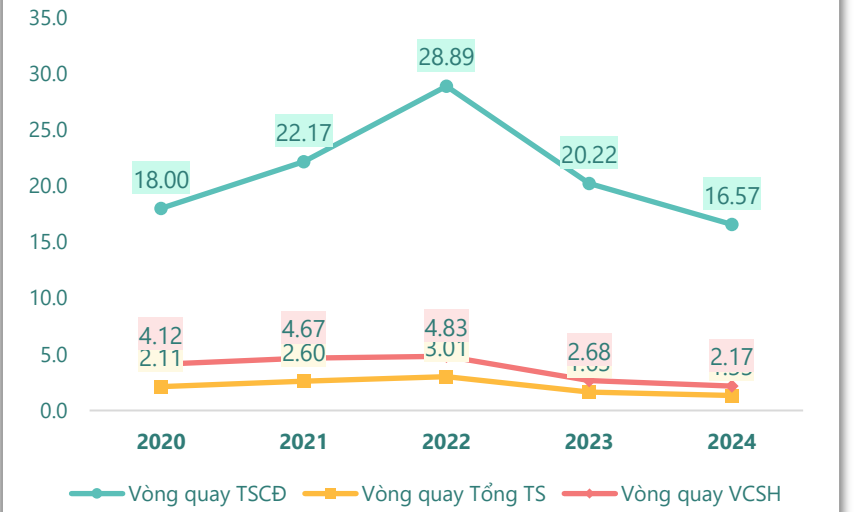
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



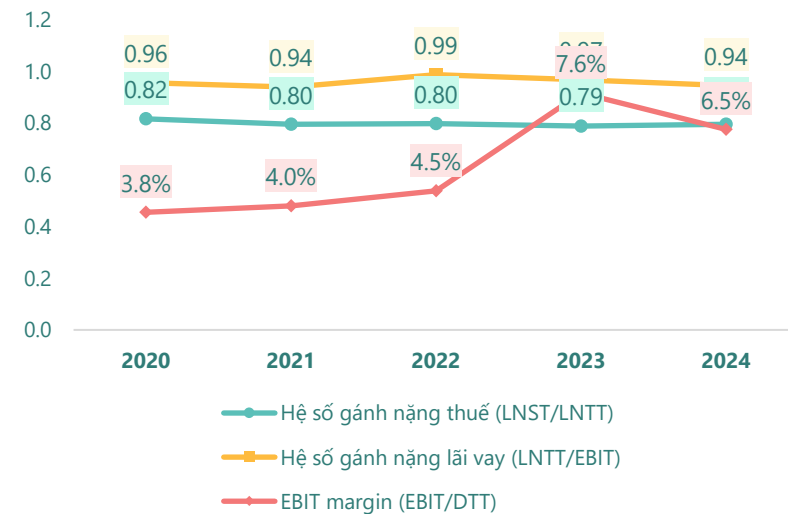
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



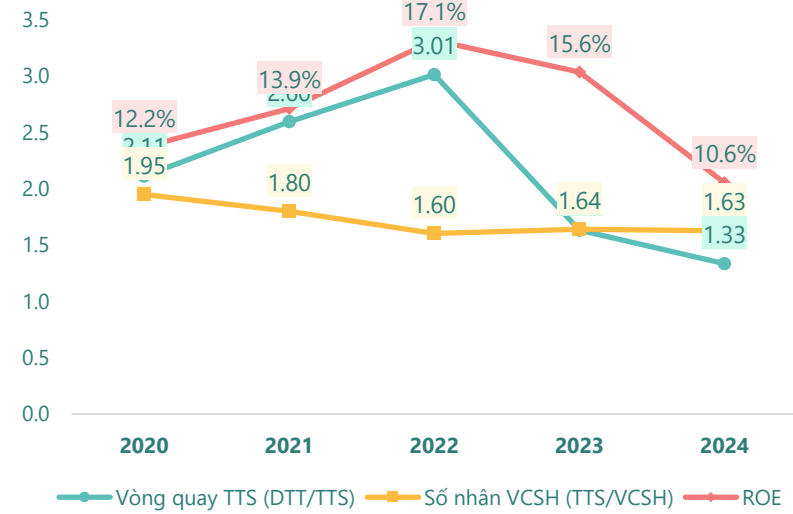
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



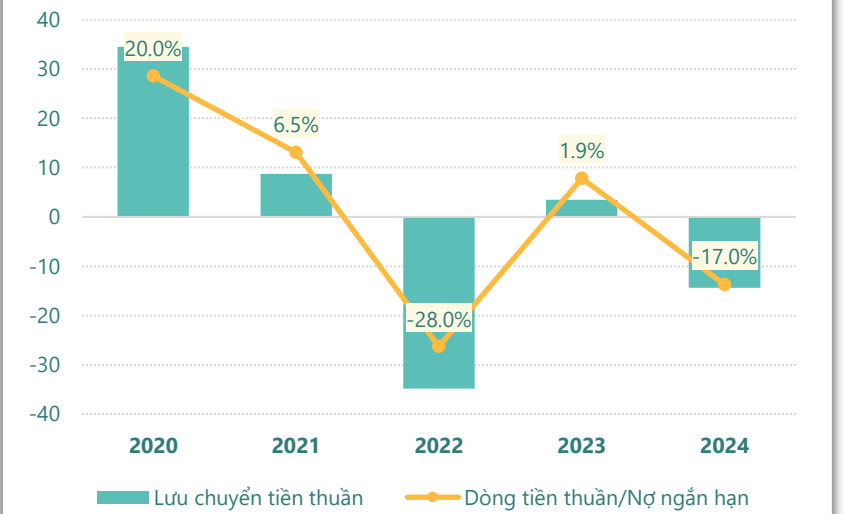
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	185	135	36.7%	434	341	27.1%
Giá vốn hàng bán	168	116	45.2%	390	295	32.0%
Lợi nhuận gộp	16.2	19.0	-14.9%	44.5	46.4	-4.1%
Doanh thu HĐTC	0.36	0.30	20.5%	0.61	2.65	-76.8%
Chi phí TC	0.76	1.07	-28.5%	1.89	2.04	-7.5%
Chi phí lãi vay	0.76	0.66	15.9%	1.56	1.47	6.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	7.01	6.98	0.4%	19.0	17.3	9.7%
Chi phí QLDN	5.80	5.17	12.2%	15.6	14.0	11.5%
LN thuần từ HĐKD	2.96	6.07	-51.2%	8.66	15.7	-44.9%
Lợi nhuận khác	3.26	1.84	77.2%	8.37	8.81	-5.0%
LN trước thuế	6.22	7.91	-21.4%	17.0	24.5	-30.5%
Lợi nhuận sau thuế	4.91	6.33	-22.5%	13.4	19.6	-31.9%
LNST của CĐ cty mẹ	4.91	6.33	-22.5%	13.4	19.6	-31.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.6	80.0	57.0	-30.5	9.51	-3.23
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-21.1	-9.58	-0.37	0.67	-0.58	-2.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.24	-69.8	-70.4	23.8	-5.04	29.2
Tiền đầu kỳ	34.0	33.7	34.3	20.6	14.5	18.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.27	0.63	-13.7	-6.10	3.90	24.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	-0.03	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.7	34.3	20.6	14.5	18.4	42.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	394	266	48.2%
Tài sản ngắn hạn	340	211	61.5%
Tiền và tương đương tiền	42.4	20.6	106%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.15	0.15	0.0%
Phải thu ngắn hạn	25.3	29.3	-13.7%
Hàng tồn kho	262	158	65.7%
Tài sản ngắn hạn khác	10.3	2.42	327%
Tài sản dài hạn	53.7	55.1	-2.6%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	24.7	26.9	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.42	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	27.5	28.2	-2.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	201	85.8	134%
Nợ ngắn hạn	200	84.8	136%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	72.6	24.6	195%
Phải trả người bán ngắn hạn	71.1	31.1	129%
Nợ dài hạn	0.76	0.98	-22.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	193	180	7.4%
Vốn chủ sở hữu	193	180	7.4%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

